

**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2010



Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thông tin Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số

3700381324

ngày 21 tháng 7 năm 2010

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700381324 ngày 21 tháng 7 năm 2010. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Phạm Văn Trung
Ông Lê Phụng Hòa
Ông Phạm Gia Tuấn
Ông Nguyễn Văn Quý
Ông Lý Duy Hoàng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 27 tháng 3 năm 2010)
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 3 năm 2010)

Ông Vũ Bảo Quốc

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Phạm Văn Trung
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Bình

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

9 Đại lộ Thống Nhất
Khu Công nghiệp Sóng Thần II
Huyện Dĩ An
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Tổng Giám đốc Công ty duyệt phát hành báo cáo vào ngày 23 tháng 12 năm 2010 và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-149



Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		2.302.873.881.552	1.208.474.740.581
Tiền	110	3	50.162.949.043	47.653.614.415
Các khoản phải thu	130		561.336.612.666	298.978.339.425
Phải thu thương mại	131	4	324.687.042.256	166.640.183.049
Trả trước cho nhà cung cấp	132	5	237.304.512.408	133.695.332.531
Các khoản phải thu khác	135		1.418.702.328	231.899.264
Dự phòng phải thu khó đòi	139	6	(2.073.644.326)	(1.589.075.419)
Hàng tồn kho	140	7	1.446.169.048.203	747.124.150.310
Hàng tồn kho	141		1.447.032.284.609	748.874.572.944
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(863.236.406)	(1.750.422.634)
Tài sản ngắn hạn khác	150		245.205.271.640	114.718.636.431
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.237.807.971	5.991.033.516
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		144.205.215.793	24.953.819.659
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154	8	5.160.690.546	24.435.448
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	79.601.557.330	83.749.347.808
Tài sản dài hạn	200		2.246.229.628.497	1.230.298.431.480
Tài sản cố định	220		2.149.009.604.340	1.158.228.495.053
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.241.359.830.839	755.358.089.492
Nguyên giá	222		1.595.239.953.323	980.152.984.494
Khấu hao lũy kế	223		(353.880.122.484)	(224.794.895.002)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	42.055.952.359	12.741.504.032
Nguyên giá	225		44.378.948.327	13.695.000.000
Khấu hao lũy kế	226		(2.322.995.968)	(953.495.968)
Tài sản cố định vô hình	227	12	264.730.776.465	185.962.339.810
Nguyên giá	228		273.228.167.033	191.845.095.283
Phân bổ lũy kế	229		(8.497.390.568)	(5.882.755.473)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	600.863.044.677	204.166.561.719
Đầu tư dài hạn	250	14	57.861.544.958	58.414.544.958
Đầu tư vào công ty liên kết	252		43.414.544.958	43.414.544.958
Đầu tư dài hạn khác	258		15.000.000.000	15.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(553.000.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		39.358.479.199	13.655.391.469
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	34.231.203.940	10.779.291.756
Tài sản thuế hoãn lại	262	31	4.727.275.259	2.476.099.713
Kí quỹ dài hạn	268		400.000.000	400.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		4.549.103.510.049	2.438.773.172.061

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.837.604.785.156	1.499.444.452.950
Nợ ngắn hạn	310		2.396.798.340.290	1.162.237.668.147
Vay ngắn hạn	311	16	1.775.370.331.718	759.969.415.865
Phải trả thương mại	312		441.737.582.232	274.357.767.275
Tạm ứng từ khách hàng	313		23.177.497.131	12.811.898.657
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	17	33.566.752.470	20.117.823.780
Phải trả nhân viên	315		18.269.725.463	12.079.314.134
Chi phí trích trước	316	18	91.523.947.964	14.387.443.150
Phải trả khác	319	19	11.423.505.936	61.362.078.425
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	1.728.997.376	7.151.926.861
Nợ dài hạn	330		440.806.444.866	337.206.784.803
Vay và nợ dài hạn	334	21	438.660.845.266	335.443.237.703
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	22	2.145.599.600	1.763.547.100
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.711.498.724.893	939.328.719.111
Vốn chủ sở hữu	410		1.711.498.724.893	939.328.719.111
Vốn cổ phần	411	23	1.007.907.900.000	570.385.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		451.543.290.363	88.222.712.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414	23	(572.094.000)	(572.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	24	21.447.090.156	21.447.090.156
Quỹ dự phòng tài chính	416		8.525.313.060	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		222.647.225.314	259.845.916.955
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.549.103.510.049	2.438.773.172.061

Người lập:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Lê Phước Vũ
 Tổng Giám đốc

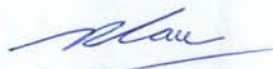
ngày 23 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9
năm 2010

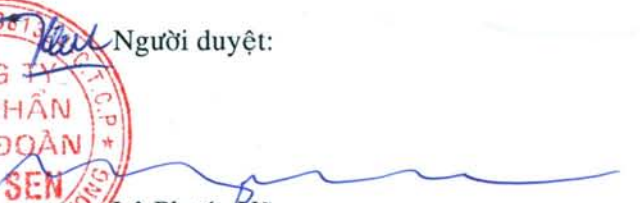
	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	25	4.912.610.384.192	2.836.386.675.588
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	(13.429.851.006)	(4.967.409.587)
Doanh thu thuần	10		4.899.180.533.186	2.831.419.266.001
Giá vốn hàng bán	11	26	(3.968.224.548.046)	(2.276.099.635.609)
Lợi nhuận gộp	20		930.955.985.140	555.319.630.392
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	24.103.464.903	14.227.334.928
Chi phí hoạt động tài chính	22	28	(372.873.198.649)	(166.403.032.123)
Chi phí bán hàng	24		(209.477.229.128)	(116.342.381.073)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(148.691.601.966)	(98.116.034.240)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		224.017.420.300	188.685.517.884
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	29	37.905.553.460	14.087.152.639
Chi phí khác	32	30	(10.021.297.310)	(2.383.051.288)
Lợi nhuận trước thuế	50		251.901.676.450	200.389.619.235
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	31	(38.773.640.483)	(7.351.204.479)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	31	2.251.175.546	(3.587.013.424)
Lợi nhuận thuần	60		215.379.211.513	189.451.401.332
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.241	2.158

Người lập:


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Lê Phước Vũ
 Tổng Giám đốc

ngày 23 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2008	570.385.000.000	88.222.712.000	(572.000.000)	21.447.090.156	-	133.239.647.898	812.722.450.054
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	189.451.401.332	189.451.401.332
Cổ tức	-	-	-	-	-	(57.018.500.000)	(57.018.500.000)
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.841.632.275)	(5.841.632.275)
Thu khác	-	-	-	-	-	15.000.000	15.000.000
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2009	570.385.000.000	88.222.712.000	(572.000.000)	21.447.090.156	-	259.845.916.955	939.328.719.111
Cổ phiếu đã phát hành	129.615.000.000	438.652.500.000	-	-	-	-	568.267.500.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành (Thuyết minh 33)	69.980.000.000	(69.980.000.000)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 33)	237.927.900.000	-	-	-	-	(237.927.900.000)	-
Phí hoa hồng và môi giới phát hành cổ phiếu	-	(5.351.921.637)	-	-	-	-	(5.351.921.637)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	215.379.211.513	215.379.211.513
Mua lại cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(94.000)	-	-	-	(94.000)
Kết chuyển sang quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	8.525.313.060	(8.525.313.060)	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.121.598.094)	(6.121.598.094)
Chi khác	-	-	-	-	-	(3.092.000)	(3.092.000)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(572.094.000)	21.447.090.156	8.525.313.060	222.647.225.314	1.711.498.724.893

Người lập:


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Lê Phước Vũ
Tổng Giám đốc



ngày 23 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		251.901.676.450	200.389.619.235
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		152.071.726.357	111.151.725.882
Dự phòng	03		3.338.187.673	(48.910.086.573)
Lỗ từ hoạt động đầu tư	04		336.345.088	473.342.868
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.874.898.464)	(987.618.445)
Chi phí lãi vay	06		166.117.089.761	80.339.426.368
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		571.890.126.865	342.456.409.335
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(391.790.399.980)	(156.037.373.618)
Biến động hàng tồn kho	10		(698.157.711.665)	185.535.144.495
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		283.148.424.670	143.283.682.881
Biến động chi phí trả trước	12		-	(2.632.644.762)
			(234.909.560.110)	512.605.218.331
Lãi vay đã trả	13		(163.639.782.761)	(80.339.426.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(47.142.162.249)	(1.680.184.516)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	15.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.547.619.579)	(2.356.804.395)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(457.239.124.699)	428.243.803.052
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.141.051.750.493)	(316.296.569.376)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.744.605.904	16.877.394.363
Chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		-	(15.710.184.000)
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.224.898.464	987.618.445
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(1.134.082.246.125)	(314.141.740.568)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

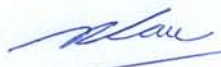
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thuần thu từ phát hành cổ phiếu	31		562.915.578.363	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu	32		(94.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		4.531.607.145.366	2.478.207.101.913
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.434.156.471.290)	(2.502.830.068.993)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35		(9.516.098.987)	(1.609.357.144)
Chi trả cổ tức	36		(57.019.354.000)	(56.311.478.000)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính	40		1.593.830.705.452	(82.543.802.224)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.509.334.628	31.558.260.260
Tiền đầu năm	60		47.653.614.415	16.095.354.155
Tiền cuối năm	70	3	50.162.949.043	47.653.614.415

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Phát hành cổ phiếu mới dưới hình thức cổ phiếu thưởng và cổ tức	307.907.900.000	-
Tài sản cố định thuê tài chính	30.683.948.327	-

Người lập:


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Lê Phước Vũ
Tổng Giám đốc

ngày 23 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và phần vốn của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ, vật liệu xây dựng bằng nhựa và xây dựng công trình cơ khí, dân dụng và các dự án công nghiệp, dịch vụ vận chuyển, sản xuất thép cán nóng, máy cắt và các thiết bị công nghiệp.

Vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là 1.007.907.900.000 VNĐ.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 Tập đoàn có 2.904 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 1.921 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập theo phương pháp dồn tích sử dụng cơ sở giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở của việc hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị được kiểm soát bởi Tập đoàn. Việc kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị để thu lợi nhuận từ các hoạt động của đơn vị đó. Trong quá trình đánh giá mức kiểm soát, quyền bỏ phiếu tiềm năng hiện tại có thể sử dụng cũng được tính đến. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày chấm dứt kiểm soát.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng chưa đủ quyền kiểm soát, đối với các chính sách hoạt động và tài chính. Các công ty liên kết được hạch toán sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần sở hữu của Tập đoàn trên lợi nhuận và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh để thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khi phần lỗ của Tập đoàn vượt quá phần vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết, giá trị ghi sổ của phần vốn đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống không và không tiếp tục ghi nhận thêm lỗ trừ trường hợp các khoản lỗ mà Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hay phải trả thay cho bên nhận đầu tư.

Các giao dịch loại trừ trong hợp nhất

Các số dư nội bộ tập đoàn và bất kỳ khoản lãi hay lỗ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn bị loại trừ trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ khỏi khoản đầu tư ứng với phần vốn của Tập đoàn trong bên nhận đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng CMKT 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Nếu Tập đoàn lựa chọn áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, lãi hợp nhất thuần cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 sẽ tăng 4.335.257.243 VNĐ (sau khi trừ đi ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 150.348.495 VNĐ).

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	6 – 8 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 20 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá/giá trị định giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất, ngoại trừ quyền sử dụng đất đem góp vốn, bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất đem góp vốn được phản ánh tại giá trị định giá tại thời điểm góp vốn. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 7 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 8 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho công trình xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ đối với chi phí thành lập và chi phí cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mại phát sinh trong giai đoạn từ ngày thành lập đơn vị đến ngày bắt đầu hoạt động thương mại, là ngày bắt đầu sản xuất thử. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động chính thức.

(ii) Chi phí quảng cáo

Chi phí quảng cáo được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn hợp đồng.

(iii) Công cụ và dụng cụ và sửa chữa lớn

Công cụ và dụng cụ và sửa chữa lớn được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng từ 2 đến 5 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu thông được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu ngân quỹ

Khi vốn cổ phần được mua lại, thì số tiền phải thanh toán, bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Cổ phần được mua lại được phân loại là cổ phiếu ngân quỹ và được trình bày như khoản một khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm mà các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Công ty. EPS được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một thành phần có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh vật liệu thép và nhựa xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Tiền

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Tiền mặt	10.509.814.611	5.660.942.485
Tiền gửi ngân hàng	39.653.134.432	41.990.271.930
Tiền đang chuyển	-	2.400.000
	50.162.949.043	47.653.614.415

Trong tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 có số tiền bằng ngoại tệ tương đương 4.359.502.228 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 1.145.461.297 VNĐ).

4. Phải thu thương mại

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 174.480.224.034VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 157.192.891.111 VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

5. Trả trước cho nhà cung cấp

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 trong trả trước cho nhà cung cấp có khoản trả trước cho dịch vụ xây dựng là 94.020.040.432 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 91.996.477.272 VNĐ).

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	1.589.075.419	3.108.941.086
Dự phòng tăng trong năm	2.073.644.326	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(738.081.860)	(1.115.758.029)
Hoàn nhập	(850.993.559)	(404.107.638)
Số dư cuối năm	2.073.644.326	1.589.075.419

7. Hàng tồn kho

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	130.488.445.168	216.883.822.941
Nguyên vật liệu	455.333.364.646	224.722.769.891
Công cụ và dụng cụ	149.703.264.790	80.640.027.924
Sản phẩm dở dang	898.557.068	1.778.229.350
Thành phẩm	599.489.042.076	181.335.400.190
Hàng mua để bán	111.119.610.861	43.514.322.648
	1.447.032.284.609	748.874.572.944
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(863.236.406)	(1.750.422.634)
	1.446.169.048.203	747.124.150.310

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	1.750.422.634	50.822.646.169
Dự phòng tăng trong năm	863.236.406	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.750.422.634)	(49.072.223.535)
Số dư cuối năm	863.236.406	1.750.422.634

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.117.449.650.648 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 615.999.281.150 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong nguyên vật liệu và thành phẩm tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 có 88.585.099.904 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 23.383.615.645 VNĐ) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	4.344.829.871	-
Thuế tài nguyên thiên nhiên	788.004.700	-
Thuế khác	27.855.975	24.435.448
	5.160.690.546	24.435.448

9. Tài sản ngắn hạn khác

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn	76.802.474.615	81.496.879.827
Tạm ứng	2.799.082.715	1.751.559.061
Tài sản ngắn hạn khác	-	500.908.920
	79.601.557.330	83.749.347.808

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	243.044.657.341	695.011.409.207	38.489.990.727	2.631.624.295	975.302.924	980.152.984.494
Tăng trong năm	347.980.797	50.460.986.240	19.763.705.907	1.128.014.101	901.513.484	72.602.200.529
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	109.531.560.351	417.584.924.092	10.274.652.049	706.359.905	-	538.097.496.397
Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	12.111.239.543	-	-	-	12.111.239.543
Thanh lý	(929.240.322)	(6.496.930.587)	(276.069.180)	(7.682.096)	-	(7.709.922.185)
Xóa sổ	-	-	(14.045.455)	-	-	(14.045.455)
Số dư cuối năm	351.994.958.167	1.168.671.628.495	68.238.234.048	4.458.316.205	1.876.816.408	1.595.239.953.323
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	31.818.453.431	179.823.290.035	11.431.111.750	1.272.944.974	449.094.812	224.794.895.002
Khấu hao trong năm	19.859.012.140	105.970.520.133	6.810.127.174	624.077.024	168.823.153	133.432.559.624
Thanh lý	(202.519.183)	(3.977.079.692)	(154.601.956)	(7.864.259)	-	(4.342.065.090)
Xóa sổ	-	-	(5.267.052)	-	-	(5.267.052)
Số dư cuối năm	51.474.946.388	281.816.730.476	18.081.369.916	1.889.157.739	617.917.965	353.880.122.484
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	300.520.011.779	886.854.898.019	50.156.864.132	2.569.158.466	1.258.898.443	1.241.359.830.839
Số dư đầu năm	211.226.203.910	515.188.119.172	27.058.878.977	1.358.679.321	526.208.112	755.358.089.492

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 2.260.247.317 VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 815.969.320 VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 186.113.705.790 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 465.772.985.048 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị ghi sổ của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 386.873.166 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 1.270.038.672 VNĐ).

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	13.695.000.000
Tăng trong năm	30.683.948.327
	44.378.948.327
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	953.495.968
Khấu hao trong năm	1.369.500.000
Số dư cuối năm	2.322.995.968
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	42.055.952.359
Số dư đầu năm	12.741.504.032

Đến cuối giai đoạn thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị thuê với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	190.107.344.479	1.737.750.804	191.845.095.283
Tăng trong năm	81.178.355.400	204.716.350	81.383.071.750
Số dư cuối năm	271.285.699.879	1.942.467.154	273.228.167.033
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	5.520.946.399	361.809.074	5.882.755.473
Phân bổ trong năm	2.319.129.450	295.505.645	2.614.635.095
Số dư cuối năm	7.840.075.849	657.314.719	8.497.390.568
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	263.445.624.030	1.285.152.435	264.730.776.465
Số dư đầu năm	184.586.398.080	1.375.941.730	185.962.339.810

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 153.410.730.556 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 75.123.910.504 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	204.166.561.719	29.274.740.889
Tăng trong năm	960.382.180.020	217.738.963.076
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(538.097.496.397)	(41.204.849.624)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(23.732.250.374)	(1.642.292.622)
Thanh lý	(1.855.950.291)	-
Số dư cuối năm	600.863.044.677	204.166.561.719

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh		30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và điều chỉnh ngày 13 tháng 10 năm 2009	45%	43.414.544.958	43.414.544.958
Đầu tư dài hạn khác					
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008	3%	15.000.000.000	15.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				(553.000.000)	-
				57.861.544.958	58.414.544.958

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn thể hiện khoản dự phòng lập trong năm.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VNĐ	Chi phí quảng cáo VNĐ	Chi phí công cụ và dụng cụ và sửa chữa lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	1.066.861.381	456.083.687	9.256.346.688	10.779.291.756
Tăng trong năm	695.753.437	19.557.000	25.968.987.757	26.684.298.194
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	23.732.250.374	23.732.250.374
Phân bổ trong năm	(1.762.614.818)	(362.036.498)	(12.530.380.322)	(14.655.031.638)
Thanh lý	-	-	(198.365.203)	(198.365.203)
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	(12.111.239.543)	(12.111.239.543)
Số dư cuối năm	-	113.604.189	34.117.599.751	34.231.203.940

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

16. Vay ngắn hạn

	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam			
Khoản vay 1		-	10.000.000.000
Khoản vay 2		-	169.331.769.100
Khoản vay 3		-	133.119.838.000
Khoản vay 4	(a)	379.172.838.000	-
Khoản vay 5	(b)	170.217.214.428	-
Khoản vay 6	(c)	15.032.008	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam			
Khoản vay 1		-	192.365.305.600
Khoản vay 2		-	33.323.750.000
Khoản vay 3		-	9.000.000.000
Khoản vay 4	(d)	89.605.926.343	-
Khoản vay 5	(e)	180.434.911.000	-
Ngân hàng Công Thương Việt Nam			
Khoản vay 1	(f)	32.689.327.799	26.483.871.700
Khoản vay 2		-	3.576.686.786
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải	(g)	130.140.383.940	-
Ngân hàng Far East National Bank			
Khoản vay 1	(h)	100.665.786.622	57.940.948.782
Khoản vay 2		-	4.494.047.225
Ngân hàng Indovina Bank	(i)	50.771.421.108	47.060.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín			
Khoản vay 1		-	6.245.000.000
Khoản vay 2	(j)	81.645.101.940	-
Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam	(k)	44.875.660.253	-
Ngân hàng Quân đội Việt Nam	(l)	129.000.000.000	-
Ngân hàng Tiền Phong Bank	(m)	51.972.800.000	-
Ngân hàng Bảo Việt	(n)	150.649.994.231	-
Ngân hàng ANZ	(o)	23.167.387.682	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	(p)	31.466.190.536	-
		1.646.489.975.890	692.941.217.193
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)		128.880.355.828	67.028.198.672
		1.775.370.331.718	759.969.415.865

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

- a. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 773.220.403.861 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 373.027.129.500 VNĐ. Khoản vay này gồm các khoản bằng VNĐ và Đô la Mỹ.

Khoản vay bằng VNĐ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 250.172.838.000 VNĐ chịu lãi suất năm từ 12% đến 13,8%.

Khoản vay bằng Đô la Mỹ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tương đương 129.000.000.000 VNĐ chịu lãi suất năm là 6%.

- b. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 924.015.485.931 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 244.616.200.000 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 12% đến 13,8%.

- c. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 570.912.485.120 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 244.616.200.000 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 5% đến 6%.

- d. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 97.955.019.985 VNĐ. Khoản vay này gồm các khoản vay bằng VNĐ và Đô la Mỹ.

Khoản vay bằng Đô la Mỹ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tương đương 89.605.926.343 VNĐ chịu lãi suất năm là 6,5%.

Khoản vay bằng VNĐ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 180.434.911.000 VNĐ chịu lãi suất năm từ 12,0% đến 13,8%.

- e. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hữu hình, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 97.955.019.985 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 12,0% đến 13,8%.

- f. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 34.537.974.060 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 52.534.494.614 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 6,4% đến 6,8% (2009: 3%).

- g. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 186.457.842.869 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 151.456.000.000 VNĐ. Khoản vay này gồm các khoản vay bằng VNĐ và Đô la Mỹ.

Khoản vay bằng Đô la Mỹ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tương đương 15.165.383.940 VNĐ chịu lãi suất năm từ 4,9% đến 5,0%.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

Khoản vay bằng VNĐ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 114.975.000.000 VNĐ chịu lãi suất năm từ 10% đến 14%.

- h. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.775.452.569.794 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 670.730.908.552 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 5% (2009: 5%).

- i. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.121.401.125.648 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 71.247.275.000 VNĐ). Khoản vay gồm các khoản vay bằng VNĐ và Đô la Mỹ.

Khoản vay bằng VNĐ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 16.808.000.000 VNĐ chịu lãi suất năm từ 14,2% đến 14,4% (2009: 6,5%).

Khoản vay bằng Đô la Mỹ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tương đương 33.963.421.108 VNĐ chịu lãi suất năm là 6,5%.

- j. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 12.045.062.463 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 6% đến 7%.

- k. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 36.678.818.118 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 7%.

- l. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 81.923.979.627 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 12,7%.

- m. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 46.903.586.256 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 13,7% đến 14,3%.

- n. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.120.740.032.248 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 13,5%.

- o. Khoản vay này được bảo đảm bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.775.452.569.794 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 13,5% đến 13,8%.

- p. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.117.449.650.648 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 6,3%.

Các tài sản được dùng để đảm bảo cho các khoản vay trên cũng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay khác của cùng một ngân hàng.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	29.315.411.086	12.752.096.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.869.712.219	6.893.404.114
Thuế nhập khẩu	1.128.280.960	225.995.754
Thuế thu nhập cá nhân	252.422.445	246.327.003
Thuế tài nguyên thiên nhiên	925.760	-
	33.566.752.470	20.117.823.780

18. Chi phí phải trả

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Lương tháng 13	5.513.234.395	2.712.961.000
Xây dựng cơ bản dở dang	80.484.320.287	8.546.829.336
Phí kiểm toán	906.874.000	604.560.000
Chi phí điện	638.239.530	673.988.932
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát	221.479.998	-
Chi phí lãi vay	2.477.307.000	-
Chi phí khác	1.282.492.754	1.849.103.882
	91.523.947.964	14.387.443.150

19. Phải trả khác

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Phí công đoàn	174.759.600	67.154.000
Bảo hiểm xã hội	383.751.074	243.192.600
Bảo hiểm y tế	-	899.000
Ký quỹ ngắn hạn	2.397.024.758	1.887.510.000
Cổ tức phải trả	1.270.476.000	58.289.830.000
Doanh thu chưa thực hiện	4.560.000.000	-
Phải trả khác	2.637.494.504	873.492.825
	11.423.505.936	61.362.078.425

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được sử dụng để thưởng và chi trả phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo các chính sách về khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Quỹ này được phân loại lại thành nợ ngắn hạn theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	7.151.926.861	-
Tăng trong năm	6.121.598.094	5.841.522.275
Thu từ quỹ khen thưởng và phúc lợi của công ty con	-	3.660.408.981
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(11.544.527.579)	(2.350.004.395)
Số dư cuối năm	1.728.997.376	7.151.926.861

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

21. Vay và nợ dài hạn

	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam			
Khoản vay 1		-	23.360.000.000
Khoản vay 2	(a)	33.131.000.000	47.574.800.000
Khoản vay 3		-	9.275.000.000
Khoản vay 4		-	9.312.000.000
Khoản vay 5	(b)	3.381.580.000	2.944.000.000
Khoản vay 6	(c)	112.556.000.000	54.494.000.000
Khoản vay 7		-	579.930.000
Khoản vay 8	(d)	135.358.516.000	38.841.516.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam			
Khoản vay 1	(e)	4.266.288.336	5.105.183.824
Khoản vay 2		-	2.990.000.000
Khoản vay 3	(f)	27.494.990.147	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam			
Khoản vay 1	(g)	118.534.946.415	120.178.863.695
Khoản vay 2	(h)	53.140.000.000	63.760.000.000
Khoản vay 3	(i)	10.800.000.000	14.400.000.000
Ngân hàng Bảo Việt	(j)	3.030.000.000	-
Ngân hàng Indovina Bank	(k)	35.023.888.000	-
		536.717.208.898	392.815.293.519
Nợ thuê tài chính	(l)	30.823.992.196	9.656.142.856
		567.541.201.094	402.471.436.375
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)		(128.880.355.828)	(67.028.198.672)
Hoàn trả sau 12 tháng		438.660.845.266	335.443.237.703

- a. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 94.309.561.304 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 111.469.227.314 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 5,7% đến 6,5% (2009: 5,7% đến 6,8%) và số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 20 tháng (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 32 tháng), mỗi tháng 1.656.550.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 1.486.712.500 VNĐ).
- b. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản của các cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 244.616.200.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 244.616.200.000 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 8,0% đến 10,5% (2009: 6,5% đến 10,5%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 42 tháng, mỗi tháng 78.570.000 VNĐ và tháng cuối cùng trả 81.640.000 VNĐ.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

- c. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 671.698.706.451 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 642.890.832.569 VNĐ) và tài sản của các cổ đông có giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 244.616.200.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 244.616.200.000 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 8,0% đến 10,5% (2009: 6,5% đến 10,5%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 16 quý, mỗi quý 7.000.000.000 VNĐ và quý cuối cùng trả 556.000.000 VNĐ.
- d. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 671.698.706.451 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 642.890.832.569 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 8,0% đến 10,5% (2009: 6,5% đến 10,5%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 15 quý, mỗi quý 8.400.000.000 VNĐ và quý cuối cùng trả 9.358.516.000 VNĐ.
- e. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 18.329.176.730 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 20.411.965.559 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 5,0% đến 7,0% (2009: 5,5%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 12 quý (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 16 quý), mỗi quý 355.524.028 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 319.073.989 VNĐ).
- f. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 13.936.776.538 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 14,2%. Khoản vay được hoàn trả trong 2 năm, mỗi năm 10.000.000.000 VNĐ bắt đầu từ ngày 11 tháng 9 năm 2011 và đợt cuối cùng trả số dư còn lại.
- g. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 267.189.735.416 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 299.969.634.464 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 1,7% (2009: 1,7%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 30 quý (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 34 quý), mỗi quý 3.843.196.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 3.449.173.000 VNĐ) và quý cuối cùng trả 3.239.066.415 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 2.906.981.695 VNĐ).
- h. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 15.558.013.280 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 18.396.454.160 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 7,8% (2009: 7,8%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 59 tháng (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 71 tháng), mỗi tháng 885.000.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 885.000.000 VNĐ) và tháng cuối cùng trả 925.000.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 925.000.000 VNĐ).
- i. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 267.189.735.416 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 299.969.634.464 VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm là 8,4% (2009: 8,4%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 36 tháng (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 48 tháng), mỗi tháng 300.000.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 300.000.000 VNĐ).

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

- j. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.120.740.032.248 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 13,5% đến 16,0%. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 7 tháng, mỗi tháng 386.000.000 VNĐ và tháng cuối cùng trả 328.000.000 VNĐ.
- k. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 63.463.443.278 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 13,5% đến 14,5%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 lịch thanh toán vẫn chưa được xác định cụ thể.
- l. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	30/9/2010 VNĐ		
	Trả tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	3.274.035.939	860.000.223	2.414.035.716
Từ hai đến năm năm	5.552.282.136	724.210.712	4.828.071.424
	8.826.318.075	1.584.210.935	7.242.107.140

	30/9/2009 VNĐ		
	Trả tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	3.311.755.247	897.719.531	2.414.035.716
Từ hai đến năm năm	8.414.423.232	1.172.316.092	7.242.107.140
	11.726.178.479	2.070.035.623	9.656.142.856

Tập đoàn ký kết bốn hợp đồng thuê tài chính. Tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2010 thuyết minh các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính chỉ bao gồm lịch trả của một hợp đồng. Lịch thanh toán của ba hợp đồng còn lại, với số tiền là 23.581.885.056 VNĐ vẫn chưa được xác định cụ thể.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)****22. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	1.763.547.100
Trích lập dự phòng trong năm	699.300.500
Sử dụng dự phòng trong năm	(317.248.000)
Số dư cuối năm	2.145.599.600

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	30/9/2010		30/9/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	100.790.790	1.007.907.900.000	57.038.500	570.385.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(20.012)	(572.094.000)	(20.000)	(572.000.000)
	100.770.778	1.007.335.806.000	57.018.500	569.813.000.000

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

Tất cả cổ phiếu thường có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu ứng với 1 quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức định kỳ theo thông báo. Tất cả cổ phiếu thường có quyền ngang nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả quyền đều bị treo cho đến khi các cổ phiếu đó được tái phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	57.018.500	569.813.000.000	57.018.500	569.813.000.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	12.961.500	129.615.000.000	-	-
Cổ phiếu thưởng đã phát hành trong năm	6.998.000	69.980.000.000	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	23.792.790	237.927.900.000	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ mua lại trong năm	(12)	(94.000)	-	-
Số dư cuối năm	100.770.778	1.007.335.806.000	57.018.500	569.813.000.000

24. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tài khoản này thể hiện khoản đánh giá lại quyền sử dụng đất trước khi quyền sử dụng đất được dùng như một khoản vốn góp vào Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen, một công ty con.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	4.650.441.833.391	2.835.656.995.115
▪ Nguyên vật liệu đã bán	261.858.135.103	-
▪ Dịch vụ	310.415.698	729.680.473
	4.912.610.384.192	2.836.386.675.588
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(901.116.976)	(95.793.360)
▪ Hàng bán bị trả lại	(10.372.643.709)	(4.392.659.879)
▪ Chiết khấu thương mại	(1.141.442.287)	(478.956.348)
▪ Thuế trực tiếp	(1.014.648.034)	-
	(13.492.851.006)	(4.967.409.587)
Doanh thu thuần		
	4.899.180.533.186	2.831.419.266.001

26. Giá vốn hàng bán

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thành phẩm đã bán	3.702.573.076.185	2.325.171.859.144
Nguyên vật liệu đã bán	256.905.738.257	-
Phí khấu hao dưới công suất	9.632.919.832	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(887.186.228)	(49.072.223.535)
	3.968.224.548.046	2.276.099.635.609

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	1.874.898.464	987.618.445
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.878.566.439	13.239.716.483
Cổ tức	1.350.000.000	-
	24.103.464.903	14.227.334.928

28. Chi phí tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	166.117.089.761	80.339.426.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá	206.203.108.888	86.063.605.755
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	553.000.000	-
	372.873.198.649	166.403.032.123

29. Thu nhập khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Bán phế liệu	22.862.510.533	7.367.363.876
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	3.744.605.904	579.130.131
Thu từ kiểm kê hàng tồn kho	4.441.228.219	2.304.793.492
Thu nhập khác	6.857.208.804	3.835.865.140
	37.905.553.460	14.087.152.639

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

30. Chi phí khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình và tài sản dài hạn khác đã thanh lý và xóa sổ	5.430.950.992	1.052.472.999
Tiền điện	4.590.346.318	-
Khác	-	1.330.578.289
	10.021.297.310	2.383.051.288

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	21.482.669.884	7.351.204.479
Dự phòng thiếu năm trước	17.290.970.599	-
	38.773.640.483	7.351.204.479
(Lợi ích)/Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(1.378.481.011)	3.587.013.424
Tăng thuế suất	(872.694.535)	-
	(2.251.175.546)	3.587.013.424
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36.522.464.937	10.938.217.903

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	251.901.676.450	200.389.619.235
Thuế theo thuế suất của Công ty	38.801.867.795	30.058.442.884
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.846.521.469	638.761.502
Thu nhập miễn thuế	(860.852.830)	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận ở công ty con	304.824.518	222.945.008
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(11.932.013.693)	(10.373.791.358)
Ảnh hưởng của thuế suất cao hơn	2.326.062.258	215.904.135
Tăng thuế suất	(872.694.535)	-
Ảnh hưởng của miễn thuế ở công ty con	(10.382.220.644)	(9.824.044.268)
Dự phòng thiếu trong năm trước	17.290.970.599	-
	36.522.464.937	10.938.217.903

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với công ty con bởi vì không chắc chắn rằng công ty con sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó để đối trừ.

(c) Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng nội bộ	3.605.389.597	1.220.148.747
Dự phòng	386.148.475	274.761.898
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	815.800.061
Doanh thu chưa thực hiện	735.737.187	165.389.007
	4.727.275.259	2.476.099.713

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế và 25% kể từ năm 2014. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy chứng nhận Ưu đãi Đầu tư cũng cho phép Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế thu nhập.

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong ba năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế (2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong bảy năm tiếp theo.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen

Theo quy định trong Giấy phép đầu tư, Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong ba năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế đầu tiên (2007) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập.

Tuy nhiên, theo Cục Thuế tỉnh Bình Dương trong đợt thanh tra thuế vào tháng 3 năm 2010, công ty con này được xem như một dự án mở rộng của công ty mẹ nên chỉ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm đầu hoạt động kinh doanh (2007) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm tiếp theo (2008, 2009 và 2010).

Sự không thống nhất trong các diễn giải cách hướng dẫn về thuế dẫn đến việc công ty con phải nộp một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung là 17.290.970.599 VNĐ theo yêu cầu của cơ quan thuế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc của công ty con cho rằng công ty con là một dự án đầu tư độc lập mới, không phải là dự án mở rộng hoạt động của công ty mẹ nên phải được hưởng mức thuế suất ưu đãi theo quy định trong Giấy phép Đầu tư và yêu cầu cơ quan thuế hoàn lại 11.778.521.514 VNĐ, là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2008 là kết quả của việc diễn giải không thống nhất các hướng dẫn về thuế. Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính này, kết quả của việc yêu cầu hoàn thuế này vẫn chưa rõ ràng.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen

Theo quy định trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Hoa Sen

Theo quy định trong Giấy phép Kinh doanh số 3501548441 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010, Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế trong năm 2010.

Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ

Theo quy định trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm đầu tình từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm tính từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh (2010) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm tiếp theo. Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	215.379.211.513	189.451.401.332

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	57.018.500	57.018.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	8.316.962	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu đã phát hành trong năm	30.790.790	30.790.790
Ảnh hưởng của cổ phiếu ngân quỹ mua lại trong năm	(6)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cuối năm	96.126.246	87.809.290

Lãi trên cổ phiếu trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 được trình bày lại để phản ánh số cổ tức bằng cổ phiếu đã phát hành trong năm.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

33. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường của Tập đoàn vào ngày 3 tháng 10 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức đợt 3 của năm 2008 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ một cổ đông nắm giữ mười cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 thì sẽ nhận được một cổ phiếu.

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường của Tập đoàn vào ngày 3 tháng 10 năm 2009 cũng quyết định phân phối cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ một cổ đông cứ nắm giữ mười cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 thì sẽ được nhận một cổ phiếu.

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 của Tập đoàn vào ngày 27 tháng 3 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức 167.947.900.000 VNĐ bằng cổ phiếu theo tỷ lệ một cổ đông cứ nắm giữ năm cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 thì sẽ được nhận một cổ phiếu.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ giữa các bên liên quan với các cổ đông, các thành viên hội đồng quản trị và các cán bộ điều hành:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% sở hữu
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	Giấy phép Kinh doanh số 4603000282 và 4604000225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần lượt vào ngày 9 tháng 11 năm 2006 và ngày 24 tháng 12 năm 2007	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	Giấy phép kinh doanh số 4903000343 và 4904000228 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần lượt vào ngày 26 tháng 3 năm 2007 và 18 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi ngày 18 tháng 05 năm 2009	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Xây dựng công trình cơ khí và dân dụng và các dự án công nghiệp, cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất và gia công máy xay, máy cắt và các máy móc công nghiệp	Giấy phép Kinh doanh số 4603000325. 4604000224 và 3700785528 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần lượt vào ngày 26 tháng 3 năm 2007. 24 tháng 12 năm 2007 và 18 tháng 3 năm 2009	100%

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% sở hữu
Công ty TNHH Một Thành viên Nhựa Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3501548441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp vào ngày 4 tháng 2 năm 2010	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3501504130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 4 tháng 12 năm 2009 và điều chỉnh ngày 20 tháng 4 năm 2010	100%

Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt và các cổ đông:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2010 VND	2009 VND
Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước mua quyền sử dụng đất	104.355.929.500	21.353.612.000
Hội đồng quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát		Thù lao hội đồng quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát	2.349.028.027	708.000.000
Ban Tổng Giám đốc		Lương cho Ban Tổng Giám đốc	3.134.997.000	1.921.600.000

35. Các cam kết**(a) Đầu tư mua sắm tài sản**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 Tập đoàn có các cam kết đầu tư mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	30/9/2010 VND	30/9/2009 VND
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	430.793.791.230	322.049.155.252
Được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	14.471.313.108	3.288.239.333.712
	445.265.104.338	3.610.288.488.964

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)****(b) Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2010 VND	30/9/2009 VND
Trong vòng một năm	13.245.089.660	8.982.904.746
Từ hai đến năm năm	39.247.257.679	34.094.791.329
Trên năm năm	214.808.752.227	215.712.935.153
	267.301.099.566	258.790.631.228

36. Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tập đoàn có các cam kết mua Đô la Mỹ và Eu-ro được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	30/9/2010 VND	30/9/2009 VND
Cam kết hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn		
▪ Đô la Mỹ	235.305.133.574	-
▪ Eu-ro	1.073.680.000	-
	236.378.813.574	-

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	7.414.331.080.870	3.348.028.087.500
Chi phí nhân công và nhân viên	168.501.575.254	98.742.282.815
Chi phí khấu hao và phân bổ	152.071.726.357	111.151.725.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.812.128.309	150.300.723.830
Các chi phí khác	93.715.928.905	36.563.905.153

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

38. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như sau:

	30/9/2010	30/9/2009
	(phân loại lại)	(đã được trình bày trước đây)
	VND	VND
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (nợ ngắn hạn)	7.151.926.861	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (vốn chủ sở hữu)	-	7.151.926.861

Người lập:


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Lê Phước Vũ
Tổng Giám đốc

ngày 23 tháng 12 năm 2010